

**CÔNG TY CỔ PHẦN FILM FRAME MEDIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FILM FRAME MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FILM FRAME MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110760483

**3. Ngày thành lập:** 21/06/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18, Ngách 21, Ngõ 38 Phố Ngô Sĩ Liên, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911612000

Fax:

Email: Filmframemediawork@gmail.com Website: om

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5911     |
| 2.  | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5913     |
| 3.  | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Trừ hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5920     |
| 4.  | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6312     |
| 5.  | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại:<br>+ Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới...,<br>+ Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bắt động sản hoặc du lịch,<br>+ Chụp ảnh trên không,<br>+ Quay video: Đám cưới, hội họp...;<br>- Sản xuất phim:<br>+ Phát triển, in ấn và mở rộng từ bản âm hoặc phim chiếu bóng,<br>+ Phát triển phim và thử nghiệm in ảnh,<br>+ Rửa, khôi phục lại hoặc sửa lại ảnh;<br>(Trừ hoạt động của nhà báo) | 7420     |
| 6.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7721     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7722        |
| 8.  | <p>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác:</li> <li>+ Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc,</li> <li>+ Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu và các chủ thầu, v.v..</li> <li>+ Hoạt động của các nhà hát các phòng hoà nhạc và các cơ sở nghệ thuật khác,</li> <li>+ Hoạt động của các nhà điêu khắc, hoạ sỹ, người vẽ tranh biếm hoạ, thợ chạm khắc, thợ khắc axit v.v..</li> <li>+ Hoạt động của các nhà văn, cho mọi đối tượng bao gồm cả viết hư cấu và viết về kỹ thuật v.v..</li> <li>+ Phục chế các tác phẩm nghệ thuật như vẽ lại v.v....</li> <li>- Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở.</li> </ul> <p>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)</p> | 9000        |
| 9.  | <p>Quảng cáo</p> <p>(Trừ những hoạt động Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310(Chính) |
| 10. | <p>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</p> <p>(Trừ hoạt động điều tra)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 11. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8531        |
| 12. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8532        |
| 13. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8533        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;</li> <li>- Dạy bay;</li> <li>- Đào tạo tự vệ;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> | 8559 |
| 15. | <p>Xuất bản phần mềm</p> <p>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5820 |
| 16. | <p>Sao chép bản ghi các loại</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1820 |
| 17. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6201 |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6202 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6209 |
| 20. | <p>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</p> <p>(Trừ Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6311 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động phiên dịch;</li> <li>- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;</li> <li>- Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;</li> <li>- Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);</li> <li>- Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...);</li> <li>- Tư vấn về nông học;</li> <li>- Tư vấn về công nghệ khác;</li> <li>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...</li> <li>- Môi giới chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Tư vấn chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Đánh giá công nghệ;</li> <li>- Giám định công nghệ;</li> <li>- Xúc tiến chuyển giao công nghệ;</li> </ul> <p>(Không bao gồm: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)</p> | 7490 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>THÀNH MINH | Số 18, Ngách 21,<br>Ngõ 38 Phố Ngõ<br>Sĩ Liên, Phường<br>Văn Miếu, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       | 0222000040<br>33                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>THÀNH LONG | Số 18, Ngách 21,<br>Ngõ 38 Phố Ngõ<br>Sĩ Liên, Phường<br>Văn Miếu, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       | 0222000037<br>70                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                                    |                           |        |             |        |              |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG ĐỨC HUY | Số 18, Ngách 21, Ngõ 38 Phố Ngõ Sĩ Liên, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 60,000 | 022200001678 |
|   |               |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                    | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 60,000 |              |
|   |               |                                                                                                    |                           |        |             |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG ĐỨC HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 13/08/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022200001678

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6, Ngõ 198 Đường Trần Nhân Tông, Tổ 4, Khu 1, Phường Thanh Sơn, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 18, Ngách 21, Ngõ 38 Phố Ngõ Sĩ Liên, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội